

Số: 41 /2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2015/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII – Kỳ họp thứ 18 về Kế hoạch đầu tư công năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 67/TTr-SKHĐT ngày 27/9/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016 là 5.500 tỷ đồng (Năm nghìn năm trăm tỷ đồng). Phân bổ vốn đầu tư cho từng danh mục dự án, công trình cho từng huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, phân đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

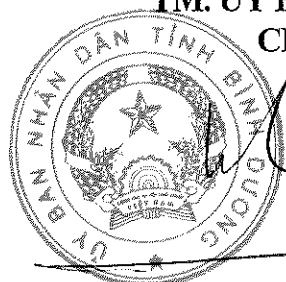
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2016./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể⁽⁶⁰⁾;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- LĐVP, CV, Website, Công Báo;
- Lưu VT, *thc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Trần Thanh Liêm

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

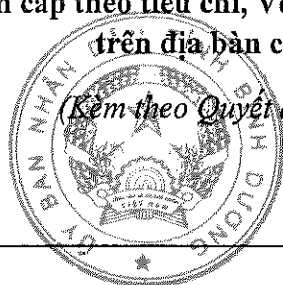
Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	5.500.000	5.500.000	
A	VỐN CẤP TỈNH (1+2+3)	2.240.464	2.655.464	
1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	42.426	20.463	
a	Hạ tầng kinh tế	14.626	3.886	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	18.700	12.847	
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	9.100	3.730	
2	Thực hiện dự án (a+b+c)	2.188.038	2.625.001	
a	Hạ tầng kinh tế	1.535.374	2.022.599	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	441.300	365.105	
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	211.364	237.297	
3	Thanh, quyết toán các công trình hoàn thành dưới 1.000 triệu đồng.	10.000	10.000	
B	VỐN CẤP HUYỆN (a+b+c)	1.844.536	1.844.536	
a	Vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện	1.150.000	1.150.000	
b	Vốn tính hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	664.536	691.536	
c	Vốn tính hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	3.000	
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT (a+b)	965.000	1.000.000	
a	Cấp tỉnh	350.000	220.256	
b	Cấp huyện, thị xã, thành phố	615.000	779.744	
D	DỰ PHÒNG (a+b)	450.000	-	
a	Ngân sách tỉnh	415.000		
b	Xổ số kiến thiết	35.000		

Ghi chú: Tổng vốn Kế hoạch chưa bao gồm 932 tỷ đồng vốn nước ngoài (ODA).

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)


Vốn Phân cấp theo tiêu chí, Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố



(Kèm theo Quyết định số 44 /2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	2.459.536	2.624.280	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.150.000	1.150.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	664.536	691.536	
	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	615.000	779.744	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	3.000	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	480.834	497.834	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	190.834	190.834	
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	170.000	197.000	
1.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	90.000	107.000	
1.4	Vốn tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	3.000	
2	Thị xã Thuận An	358.982	368.266	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	228.982	228.982	
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	50.000	50.000	
3.2	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	80.000	89.284	
3	Thị xã Dĩ An	381.533	386.533	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	221.533	221.533	
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	60.000	60.000	
3.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	100.000	105.000	
4	Thị xã Tân Uyên	232.926	241.926	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87.926	87.926	
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	75.000	75.000	
4.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	70.000	79.000	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	186.438	193.438	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	76.438	76.438	
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	60.000	60.000	
5.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	50.000	57.000	
6	Thị xã Bến Cát	230.908	238.408	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	93.908	93.908	
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	62.000	62.000	
6.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	75.000	82.500	
7	Huyện Bàu Bàng	191.669	216.969	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	71.669	71.669	
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	70.000	70.000	

Stt	 Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
7.3	Vốn xố số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	50.000	75.300	
8	Huyện Phú Giáo	207.665	285.325	
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	85.129	85.129	
8.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	72.536	72.536	
8.3	Vốn xố số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	50.000	127.660	
9	Huyện Dầu Tiếng	188.581	195.581	
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	93.581	93.581	
9.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	45.000	45.000	
9.3	Vốn xố số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	50.000	57.000	

Phụ lục III



**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)
VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)	42.426	20.463	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)	14.626	3.886	
I	GIAO THÔNG	5.100	1.450	
1	Xây dựng Đường từ Quốc lộ 13 đến ĐT743	50	-	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	850	150	
3	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100	100	
4	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (cầu Bạch Đằng 2)		500	BSDM
5	Tuyến xe buýt nhanh BRT nối thành phố mới Bình Dương - Suối Tiên	1.000	-	
6	Xây dựng đường từ ngã 3 đường tạo lực 2B đến cảng Thanh Phước (giáp đường ĐT.747A) huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100	-	
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	500	-	
8	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	500	50	
9	Xây dựng hạ lưu cống ngang đường ĐT744 đoạn từ Km6+000 đến Km32+000	500	100	
10	Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên (Giai đoạn 2)	1.000	500	BSDM
11	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	500	50	
II	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	8.046	616	
12	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên	7.430		→THDA
13	Chỉnh trang, khai thông dòng chảy suối Vàm Vá, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	100	100	
14	Mua sắm trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường	200	200	
15	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	100	100	
16	Đê bao ấp Phú Thuận	216	216	BSDM
III	NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	1.480	1.820	
17	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Thanh An	300	345	
18	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã An Lập	400	410	

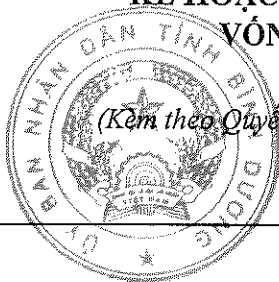
STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
19	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Hòa	200	200	
20	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Thạnh	400	685	
21	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Định Hiệp	180	180	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)	18.700	12.847	
I	Y TẾ	5.650	1.962	
22	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	100	10	
23	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	50	0	
24	Phòng tiêm ngừa Trung tâm y tế dự phòng	2.000	247	
25	Khu tái định cư Phú Chánh	3.000	1.605	
26	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh (giai đoạn 1)	200	0	BSDM
27	Mở rộng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương	200	0	BSDM
28	Cải tạo Khoa Dược và Khối Hành chính của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương	100	100	
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	1.500	834	
29	Đầu tư trang thiết bị dạy học cho các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Dương	100	0	
30	Sửa chữa nhà thi đấu thể thao đa năng - Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	200	134	
31	Trường Đại học Thủ Dầu Một	500	250	
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công trường rào và công viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	500	250	
33	Dự án đầu tư Nội thất toàn nhà F2 - Khu ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	200	200	
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	6.000	3.115	
34	Nâng cấp phần mềm quản lý trung tâm của hệ thống quan trắc nước thải tự động	400	400	
35	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	300	300	
36	Đầu tư trang thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp tỉnh và cấp huyện	100	0	
37	Ứng dụng CNTT tại 9 trung tâm y tế cấp huyện	100	100	
38	Đầu tư thiết bị bảo mật cho các trung tâm dữ liệu	100	0	
39	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	100	0	
40	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho Tòa nhà trung tâm hành chính	100	100	
41	Thiết bị chuyên dùng phục vụ tác nghiệp phát thanh truyền hình	3.000	200	
42	Thiết bị Trường quay - Nhà bá âm	500	1.300	
43	Đầu tư 20 Camera kỹ thuật số - Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	300	300	
44	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Dương	100	100	
45	Ứng dụng CNTT tại Bệnh viện đa khoa giai đoạn 2	100	15	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
46	Đầu tư cho Bảo Bình Dương giai đoạn 3	100	0	
47	Xây dựng CSĐL về giám định tư pháp, luật sư, chứng thực	100	0	
48	Xây dựng CSĐL doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	100	0	
49	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan Đảng tỉnh BD	200	200	
50	Xây dựng khu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.	200	0	
51	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	100	100	
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - THỂ THAO	5.550	6.936	
52	Khảo cổ di tích Đốc Chùa	4.100	6.088	
53	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	200	200	
54	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	200	100	
55	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	200	0	
56	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	200	100	
57	Xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Bình Dương	450	448	
58	Trung tâm huấn luyện thể thao Bình Dương	200	0	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN (C=I+II+III+IV)	9.100	3.730	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	600	400	
59	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	200	100	
60	Trung tâm lưu trữ ngành Tài nguyên và Môi trường	200	100	
61	Trung tâm Hành chính huyện Bàu Bàng	100	100	
62	Trung tâm Hành chính huyện Bắc Tân Uyên	100	100	
II	QUỐC PHÒNG	1.250	500	
63	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	250	100	
64	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	250	100	
65	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	100	100	
66	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	400	100	
67	Xây dựng nhà ăn cho Đại đội huấn luyện chiến sĩ mới và Đại đội huấn luyện dự bị động viên của Trung đoàn Bộ binh 6	100	100	
68	Quy hoạch thể trận quân sự KVPT tỉnh: Sở chỉ huy cơ bản	50	-	
69	Quy hoạch thể trận quân sự KVPT tỉnh: hầm cất giấu vũ khí, trang bị	50	-	
70	Đề án quy hoạch và xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ Bình Dương	50	-	
III	AN NINH	4.750	1.330	
71	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	1.000	260	
72	Xây dựng hạng mục Nhà làm việc chính thuộc công trình: Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bình Dương	1.000	500	
73	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Bến Cát	400	-	→THDA

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
74	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Tân Uyên	400	-	→THDA
75	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Dầu Một	400	-	→THDA
76	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Thuận An	400	-	→THDA
77	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an huyện Dầu Tiếng	400	-	→THDA
78	Trạm kiểm soát Giao thông Quốc lộ 13 (50% vốn địa phương)	50	50	
79	Trụ sở làm việc Công An huyện Bắc Tân Uyên (50% vốn địa phương)	600	420	
80	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	50	50	
81	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện thị xã, thành phố	50	50	
IV	PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	2.500	1.500	
82	Mua sắm trang thiết bị phục vụ sự cố cháy nổ	1.000	500	
83	Mua sắm phương tiện: Đội Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương; Trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng.	1.000	500	
84	Mua sắm xe bồn tiếp nước chữa cháy	500	500	

Phụ lục IV

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)
VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
THỰC HIỆN DỰ ÁN**



(Kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)	2.188.038	2.625.001	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)	1.535.374	2.022.599	
I	GIAO THÔNG	962.384	1.201.307	
I.1	Dự án chuyển tiếp	837.753	1.077.907	
1	Xây dựng mới cầu Thủ Biên	1.617	1.617	
2	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ dốc Cây Quéo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	6.000	6.000	
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	62.000	62.000	
4	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến dốc Cây Quéo	5.000	5.000	
5	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	142.000	142.000	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Phú An - An Tây, huyện Bến Cát (giai đoạn 1)	3.000	3.000	
7	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên (Trong đó, phần đền bù: 13.954 triệu đồng)	94.220	130.000	
8	Đầu tư hệ thống thoát nước để giải quyết ngập úng vào mùa mưa tại các điểm dân cư dọc hai bên đường ĐT741	2.075	2.075	
9	Khu tái định cư Phú Hòa	5.220	5.480	
10	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	59.988	63.500	
11	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km 12+000	5.012	1.000	
12	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính	2.115	2.115	
13	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	6.000	6.000	
14	Xây dựng cầu Bà Cỏ	44.000	44.000	
15	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	15.000	5.000	


STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
16	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	10.000	10.000	
17	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao (Trong đó, phần đền bù: 10.000 triệu đồng)	10.000	10.050	
18	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát (Trong đó, phần đền bù: 40.000 triệu đồng)	50.600	40.050	
19	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748 (Trong đó, phần đền bù: 6.794 triệu đồng)	25.735	22.365	
20	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000 (Trong đó, phần đền bù: 54.990 triệu đồng)	85.000	118.280	
21	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Trong đó, phần đền bù: 5.036 triệu đồng)	90.500	90.600	
22	Xây dựng cầu Phú Long	-	5.500	BSDM
23	Xây dựng mới cầu Tam Lập	3.671	3.675	
24	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Trong đó, phần đền bù: 1.951 triệu đồng)	109.000	298.600	
I.2	Dự án khởi công mới	124.631	123.400	
25	Xây dựng mới cầu Bến Tăng	10.000	10.000	CBĐT→
26	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên- Đất Cuốc	36.631	36.600	CBĐT→
27	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	20.000	400	CBĐT→
28	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	20.000	400	CBĐT→
29	Giải phóng mặt bằng đường Tạo lực Mỹ Phước- Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu công nghiệp Bàu Bàng)	13.000	13.000	CBĐT→
30	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (Đoạn từ điểm giao Cầu Phú Long đến nút giao Ngã tư Hòa Lân)	12.000	12.000	CBĐT→
31	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	13.000	51.000	CBĐT→
II	NÔNG NGHIỆP - PTNT	35.740	32.245	
II.1	Dự án chuyển tiếp	16.740	13.370	
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	6.000	3.000	
33	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	9.155	9.080	
34	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng	1.585	1.290	
II.2	Dự án khởi công mới	19.000	18.875	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
35	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định An	19.000	18.875	
III	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	537.250	789.047	
III.1	Dự án chuyển tiếp	467.250	607.495	
36	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2. (Trong đó, phần đền bù: 1.500 triệu đồng)	2.000	805	
37	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh. (Trong đó, phần đền bù: 3.000 triệu đồng)	31.000	16.000	
38	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương. (Trong đó, phần đền bù: 15.000 triệu đồng)	58.000	74.000	
39	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đền. (Trong đó, phần đền bù: 87.000 triệu đồng)	175.000	225.000	
40	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	50.000	70.000	
41	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn I	3.750	4.650	BSDM
42	Nâng công suất nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương (Mở rộng nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương)	500	500	
43	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	12.000	24.000	
44	Đầu nổi thoát nước cho KCN An Tây. (Trong đó, phần đền bù: 2.500 triệu đồng)	20.000	22.000	
45	Dự án đền bù tuyến ống nước dẫn nước thô từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương. (Trong đó, phần đền bù: 33.000 triệu đồng)	33.000	43.610	
46	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp (Hệ thống thoát nước Dĩ An)	2.000	2.000	
47	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một. (Trong đó, phần đền bù: 15.000 triệu đồng)	15.000	60.160	
48	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát. (Trong đó, phần đền bù: 64.770 triệu đồng)	65.000	64.770	
III.2	Dự án khởi công mới	70.000	181.552	
49	Tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải khu vực Dĩ An	60.000	90.000	
50	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên		41.500	
51	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	10.000	50.052	CBĐT→
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)	441.300	365.105	
I	Y TẾ	98.622	53.233	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
I.1	Dự án chuyển tiếp	91.622	53.069	
52	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	10.000	10.000	
53	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng	2.000	107	
54	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	10.600	10.600	
55	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	44.660	9.000	
56	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề điện dân dụng cấp độ quốc gia - Trường trung cấp nghề tỉnh Bình Dương.	2.500	1.500	
57	Thanh toán chi phí đền bù giải tỏa (lần 2). Khu Thương mại - Dịch vụ, Dân cư Định Hòa	2.362	2.362	
58	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	19.500	19.500	
I.2	Dự án khởi công mới	7.000	164	
59	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	7.000	164	
II	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	28.250	25.173	
II.1	Dự án chuyển tiếp	26.250	23.073	
60	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015.	550	360	
61	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề nguội sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore.	1.700	156	
62	Nhà xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	24.000	22.557	
II.2	Dự án khởi công mới	2.000	2.100	
63	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Bàu Bàng	2.000	2.100	CBĐT→
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	157.735	146.948	
III.1	Dự án chuyển tiếp	139.650	131.944	
64	Công nghệ thông tin tại bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng	1.900	1.900	
65	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	24.000	16.513	
66	Trường quay - nhà bá âm FM Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	107.750	107.716	
67	Trang thiết bị Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	6.000	5.815	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
III.2	Dự án khởi công mới	16.635	13.554	
68	Dự án bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin, điện tử phục vụ mô hình một cửa hiện đại tại UBND cấp huyện, cấp xã giai đoạn 1	15.635	12.508	
69	Dự án xây dựng các phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.000	1.046	CBĐT→
III.3	Dự án thanh toán khối lượng	1.450	1.450	
70	Ứng dụng công nghệ thông tin tại khu hành chính mở tỉnh Bình Dương	1.450	1.450	BSDM
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - THỂ THAO	156.693	139.751	
IV.1	Dự án chuyển tiếp	154.693	132.751	
71	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2)	26.000	25.000	
72	Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ Bình Dương	1.453	1.453	
73	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	10.500	2.908	
74	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế - phường Định Hòa	12.540	12.002	
75	Trùng tu, tôn tạo di tích nhà tù Phú Lợi	1.000	0	
76	Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương	4.900	4.900	
77	Khu trung tâm quản thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	16.000	4.300	
78	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật cô đơn tỉnh Bình Dương - Hạng mục phát sinh PCCC	1.900	1.800	
79	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	45.000	44.988	
80	Xây mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của thư viện tỉnh	1.400	1.400	
81	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	34.000	34.000	
IV.2	Dự án khởi công mới	2.000	7.000	
82	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương (giai đoạn 3)	2.000	7.000	CBĐT→
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN (C=I+II+III+IV)	211.364	237.297	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	13.599	13.595	
I.1	Dự án chuyển tiếp	5.300	5.295	
83	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tỉnh Bình Dương	5.300	5.295	
I.2	Dự án khởi công mới	8.299	8.300	
84	Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ núi Cậu - Dầu Tiếng và các hạng mục phụ trợ	2.900	4.300	
85	Xí nghiệp Công trình công cộng huyện Bàu Bàng	5.399	4.000	
II	QUỐC PHÒNG	52.250	58.686	

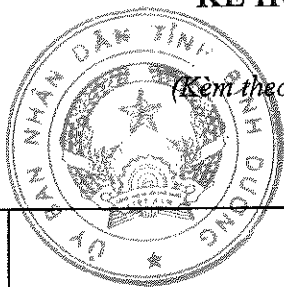
STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
II.1	Dự án thanh toán khối lượng	0	1.186	
86	Xây dựng hồ bơi và cầu lạc bộ quân nhân Lữ đoàn 429 – Bộ Tư lệnh đặc công		1.186	BSDM
II.2	Dự án chuyển tiếp	12.250	9.000	
87	Xây dựng doanh trại Đại đội trinh sát	10.650	9.000	
88	Xây dựng doanh trại, trận địa d168/e276/f367/QC PK-KQ	1.600		
II.3	Dự án khởi công mới	40.000	48.500	
89	Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn đặc công 60/Bộ tham mưu QK7	40.000	48.500	
III	AN NINH	97.000	116.601	
III.1	Dự án chuyển tiếp	65.050	92.196	
90	Mua sắm phương tiện, thiết bị nghiệp vụ cho công an tỉnh Bình Dương	14.000	13.470	
91	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 1: Công an các phường thuộc Công an thị xã Thuận an	350	350	
92	Cơ sở làm việc Công an huyện Bàu Bàng thuộc Công an tỉnh Bình Dương	20.700	17.486	
93	Trang bị hệ thống vô tuyến Trunking - Công an tỉnh	30.000	60.890	
III.2	Dự án khởi công mới	31.950	24.405	
94	Trường bắn súng ngắn kết hợp hội trường 500 chỗ	8.720	350	
95	Mua sắm thiết bị, nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương	13.230	13.170	
96	Trụ sở làm việc Công an phường Tân Hiệp	3.000	3.000	
97	Trụ sở làm việc Công an phường Thới Hòa	3.000	3.000	
98	Trụ sở làm việc Công an phường Chánh Phú Hòa	3.000	3.000	
99	Trụ sở làm việc Công an phường Hòa Lợi	1.000	275	
100	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Bến Cát		300	CBĐT→
101	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Tân Uyên		110	CBĐT→
102	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Dầu Một		400	CBĐT→
103	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Thuận An		400	CBĐT→
104	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an huyện Dầu Tiếng		400	CBĐT→
IV	PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	48.515	48.415	
IV.1	Dự án chuyển tiếp	40.430	38.895	
105	Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương.	8.800	7.265	
106	Mua sắm xe thang 62m cứu hộ và chữa cháy nhà cao tầng	31.630	31.630	

STT	 Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
IV.2	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	2.520	2.520	
107	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực Bến Cát	2.520	2.520	
IV.2	<i>Dự án khôi công mới</i>	5.565	7.000	
108	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	1.000	1.000	
109	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp.TDM)	4.565	6.000	

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)
VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
	TỔNG SỐ	965.000	68.674	1.000.000	186.815	
A	KHỐI TỈNH	350.000	0	220.256	0	
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	3.000	0	530	0	
	Y TẾ	3.000	0	530	0	
1	Dự án cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.000		200	0	
2	Thiết bị giảng dạy Trường Cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương	1.000		330	0	
3	Khối Kỹ thuật trung tâm và Nhà quản thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1.000		0	0	
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN	347.000	0	219.726	0	
	Y TẾ	316.700	0	191.827	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	296.700	0	188.866	0	
4	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 (Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương)	92.400		73.454	0	
5	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 (Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương)	68.200		65.608	0	
6	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Nguồn: Xổ số kiến thiết)	79.300		12.833	0	
7	Khu điều trị 300 giường (Khoa Sản) thuộc BVĐK tỉnh	20.000		171	0	
8	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	36.800		36.800	0	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	20.000	0	2.961	0	
9	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	20.000		2.961	0	
	GIÁO DỤC	30.300	0	27.899	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	30.300	0	27.899	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
10	Trường Cao Đẳng Y Dược tỉnh Bình Dương	13.000		10.599	0	
11	Ký túc xá, nhà ăn, nhà bếp Trường THPT chuyên Hùng Vương	17.300		17.300	0	
B	KHỐI HUYỆN THỊ	615.000	68.674	779.744	186.815	0
I	THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT	90.000	0	107.000	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	500	0	100	0	0
	GIÁO DỤC	500	0	100	0	0
12	Trường THCS tạo nguồn thành phố Thủ Dầu Một	500		100	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	89.500	0	106.900	0	0
	GIÁO DỤC	89.500	0	106.900	0	0
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>			1.243	0	
13	Trường Tiểu học Phú Hòa 3			752	0	
14	Trường THCS Phú Mỹ			491	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	89.500	0	105.657	0	0
15	Trường Mẫu giáo Sao Mai	6.000		6.000	0	
16	Trường Tiểu học Phú Tân	5.000		10.040	0	
17	Trường Mầm non Hòa Phú	17.500		17.500	0	
18	Trường mẫu giáo Hoa Hướng Dương	5.000		5.400	0	
19	Trường Tiểu học Hòa Phú	20.000		30.717	0	
20	Trường Tiểu học Tương Bình Hiệp	18.000		18.000	0	
21	Trường Trung học cơ sở Tương Bình Hiệp	18.000		18.000	0	
II	THỊ XÃ THUẬN AN	80.000	0	89.284	737	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	500	0	500	0	0
	GIÁO DỤC	500	0	500	0	0
22	Mở rộng trường THCS Trịnh Hoài Đức	500		500	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	79.500	0	88.784	737	0
	Y TẾ			2.405	737	
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>			2.405	737	
23	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa Thuận An			2.405	737	
	GIÁO DỤC	79.500	0	86.379	0	0
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>	3.209	0	3.696	0	0
24	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc 09	493		493	0	
25	Trường TH Bình Quới	1.286		1.280	0	
26	Trường TH Lý Tự Trọng GD2	700		1.193	0	
27	Trường TH Tân Thới	61		61	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
28	Trường THCS Trịnh Hoài Đức giai đoạn 2	669		669	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	76.291	0	82.683	0	0
29	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	26.791		41.183	0	
30	Trường THCS Thuận Giao	34.500		36.500	0	
31	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	15.000		5.000	0	
III	THỊ XÃ DĨ AN	100.000	12.538	105.000	12.538	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1.200	0	980	0	0
	GIÁO DỤC	1.200	0	980	0	0
32	Trường THCS Đông Chiêu	300		460	0	
33	Trường THCS Dĩ An (giai đoạn 2)	300		220	0	
34	Mở rộng Trường THCS Đông Hòa	300			0	
35	Trường Tiểu học Dĩ An B	300		300	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	98.800	12.538	104.020	12.538	0
	GIÁO DỤC	98.800	12.538	104.020	12.538	0
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	<i>6.319</i>	<i>6.319</i>	<i>6.319</i>	<i>6.319</i>	<i>0</i>
36	Trường Trung học cơ sở Tân Bình	2.351	2.351	2.351	2.351	
37	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1.236	1.236	1.236	1.236	
38	Trường THCS Đông Hòa	619	619	619	619	
39	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	1.212	1.212	1.212	1.212	
40	Trường mẫu giáo Thống Nhất	660	660	660	660	
41	Mở rộng trường THCS Võ Trường Toản	241	241	241	241	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>92.481</i>	<i>6.219</i>	<i>97.701</i>	<i>6.219</i>	<i>0</i>
42	Trường Trung học cơ sở Bình Thắng	8.000	4.472	7.469	4.472	
43	Trường Tiểu học Thống Nhất	13.512		13.512	0	
44	Trường MG Hoa Hồng 1	10.196	1.747	10.196	1.747	
45	Cải tạo, NC và MR trường TH Đông Hoà B	29.000		28.000	0	
46	Nhà tập đa năng trường THCS An Bình	7.000		6.650	0	
47	Trường TH An Bình A	24.773		31.874	0	
IV	THỊ XÃ BẾN CÁT	75.000	0	82.500	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	500	0	0	0	0
	GIÁO DỤC	500	0	0	0	0
48	Trường MN An Tây	500		0	0	NTM
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	74.500	0	82.500	0	
	GIÁO DỤC	74.500	0	82.500	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>74.500</i>	<i>0</i>	<i>82.500</i>	<i>0</i>	

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
49	Trường Mầm non Hòa Lợi	19.500		17.500	0	
50	Trường Mầm non An Điền	18.000		18.000	0	NTM
51	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	15.000		25.000	0	
52	Trường Tiểu học An Điền	12.000		12.000	0	
53	Trường Mầm non Mỹ Phước	10.000		10.000	0	
V	THỊ XÃ TÂN UYÊN	70.000	12.440	79.000	12.440	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	66	0	16	0	0
	GIÁO DỤC	66	0	16	0	0
54	Trường Tiểu học Thái Hòa B	16		16	0	
55	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	50		0	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	69.934	12.440	78.984	12.440	
	Y TẾ	10.000	0	10.000	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	10.000	0	10.000	0	
56	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	10.000		10.000	0	
	GIÁO DỤC	59.934	12.440	68.984	12.440	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	59.934	12.440	68.984	12.440	0
57	Trường Tiểu học Phú Chánh	10.000	8.682	10.000	8.682	NTM
58	Trường Mẫu giáo Phú Chánh	9.000	3.758	14.000	3.758	NTM
59	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	13.000		19.000	0	NTM
60	Trường Tiểu học Uyên Hưng B	13.934		13.984	0	
61	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	7.000		7.000	0	NTM
62	Trường Mầm non Thạnh Hội	6.000		4.000	0	NTM
63	Trường THCS Phú Chánh	1.000		1.000	0	NTM
VI	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	50.000	0	57.000	0	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	500	0	500	0	
	GIÁO DỤC	500	0	500	0	
64	Trường THCS Tân Mỹ	500		500	0	NTM
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	49.500	0	56.500	0	
	GIÁO DỤC	49.500	0	56.500	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	49.500	0	56.500	0	0
65	Trường Mầm non Thường Tân	15.000		15.000	0	NTM
66	Trường Tiểu học Tân Định	8.000		8.000	0	NTM
67	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	26.500		33.500	0	NTM
VII	HUYỆN BÀU BÀNG	50.000	8.000	75.300	33.300	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1.000	0	1.000	0	
	Y TẾ	1.000	0	1.000	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
68	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng	1.000		1.000	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	49.000	8.000	74.300	33.300	
	GIÁO DỤC	49.000	8.000	74.300	33.300	
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	8.000	8.000	33.300	33.300	
69	Trường THPT Bầu Bàng	2.000	2.000	15.497	15.497	NTM
70	Trường TH Cây Trường	2.000	2.000	4.356	4.356	NTM
71	Trường TH Lai Hưng A (mở rộng)	2.000	2.000	5.912	5.912	NTM
72	Trường TH Long Nguyên	2.000	2.000	7.535	7.535	NTM
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	41.000	0	41.000	0	0
73	Trường THCS Quang Trung	5.000		5.000	0	NTM
74	Trường Mầm non Lai Uyên	16.000		16.000	0	NTM
75	Trường TH Lai Uyên A	10.000		10.000	0	NTM
76	Trường TH Hưng Hòa	10.000		10.000	0	NTM
VIII	HUYỆN PHÚ GIÁO	50.000	27.742	127.660	121.620	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	400	0	400	0	0
	Y TẾ	200	0	200	0	0
77	Đầu tư trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	200		200	0	
	GIÁO DỤC	200	0	200	0	
78	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo	200		200	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	49.600	27.742	127.260	121.620	0
	GIÁO DỤC	49.600	27.742	127.260	121.620	0
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	27.742	27.742	72.601	72.601	0
79	Trường Mầm non Tân Long	2.000	2.000	2.740	2.740	NTM
80	Trường Mầm non Vĩnh Hòa	2.332	2.332	2.332	2.332	NTM
81	Trường THCS bán trú Phước Hòa	5.000	5.000	12.925	12.925	
82	Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh	5.000	5.000	33.555	33.555	
83	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa B	13.410	13.410	21.049	21.049	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	21.458	0	54.019	49.019	0
84	Trường Mầm non Hòa Mĩ	7.000		16.536	14.536	
85	Trường Tiểu học Phước Sang	400		0	0	NTM
86	Trường Tiểu học An Bình A	9.036		31.091	28.091	
87	Trường Tiểu học An Long	5.022		6.392	6.392	NTM
	<i>Dự án khởi công mới</i>	400	-	640	-	
88	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	400		640	0	
IX	HUYỆN DẦU TIẾNG	50.000	7.954	57.000	6.180	0

Stt	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1.774	1.774	2.474	0	0
	GIÁO DỤC	1.774	1.774	2.474	0	0
89	Trường THCS Minh Hòa	1.474	1.474	1.474	0	NTM
90	Trường Tiểu học An Lập (giai đoạn 1)	300	300	1.000	0	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	48.226	6.180	54.526	6.180	0
	GIÁO DỤC	48.226	6.180	54.526	6.180	0
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>	8.234	6.180	8.503	6.180	0
91	Trường Tiểu học Bến Súc	3.003	1.962	3.003	1.962	
92	Trường Tiểu học Dầu Tiếng	958	958	958	958	
93	Trường Tiểu học Thanh Tân			269	0	
94	Trường Mầm non Thanh An	4.273	3.260	4.273	3.260	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	39.992	0	46.023	0	
95	Trường THPT Long Hòa (giai đoạn 1)	1.323		309	0	
96	Trường THCS Định Hiệp	15.000		17.045	0	
97	Trường Tiểu học Minh Thạnh	5.000		8.000	0	
98	Trường Mầm non Long Hòa	5.000		7.000	0	NTM
99	Trường THCS Minh Tân	7.000		7.000	0	NTM
100	Trường Tiểu học Định An	6.669		6.669	0	NTM

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)
VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
	VỐN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ	1.844.536	1.844.536	
I	Thành phố Thủ Dầu Một	390.834	390.834	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>190.834</i>	<i>190.834</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>170.000</i>	<i>197.000</i>	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<i>9.000</i>	<i>200</i>	
1	Đường Trần Văn Ôn	9.000	200	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>20.000</i>	<i>54.500</i>	
2	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	20.000	54.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>141.000</i>	<i>141.681</i>	
3	Đường Hoàng Hoa Thám II	4.596	30	
4	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Đinh Bộ Lĩnh)	17.991	10.000	
5	Đường từ Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi.	4.869	169	
6	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	12.000	5.500	
7	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, P. Định Hoà)	20.000	2.000	
8	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	25.471	471	
9	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBĐ đến đường Huỳnh Văn Lũy)	20.000	95.638	
10	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	14.073	14.073	
11	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	13.000	13.000	
12	Nạo vét Suối Cầu Trệt	9.000	800	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	<i>-</i>	<i>619</i>	
13	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã 3 đường Đinh Bộ Lĩnh đến cầu Thầy Bàng)		619	BSDM
<i>c</i>	<i>Vốn tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU</i>	<i>30.000</i>	<i>3.000</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>30.000</i>	<i>3.000</i>	
14	Đường Bạch Đằng nối dài phường Phú Cường	30.000	3.000	
II	Thị xã Thuận An	278.982	278.982	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>228.982</i>	<i>228.982</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>50.000</i>	<i>48.284</i>	
15	Trường TH Bình Thuận	1.000	1.000	
16	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	46.179	44.463	
17	Trung tâm văn hóa An Sơn -giai đoạn 2 (Đầu tư thiết bị và xây dựng một số hạng mục phụ nhà văn hóa An Sơn)	1.600	1.600	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
18	Xây dựng Trường tiểu học Bình Nhâm - 15 phòng học và nhà đa năng	1.221	1.221	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	-	1.716	
19	Xây dựng nhà ăn nhà đa năng trường TH Hưng Lộc		642	BSDM
20	Xây dựng đường rây xe lửa cũ nối dài (đường từ cầu sắt xe lửa đến giáp đường ranh Lái Thiêu		1.074	BSDM
III	Thị xã Dĩ An	281.533	281.533	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>221.533</i>	<i>221.533</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
21	Khu di tích CM & sinh thái Hồ lang - Gđ 1	23.000	23.000	
22	Sân vận động TX. Dĩ An	37.000	37.000	
IV	Thị xã Tân Uyên	162.926	162.926	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>87.926</i>	<i>87.926</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>75.000</i>	<i>75.000</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>75.000</i>	<i>75.000</i>	
23	Nâng số hộ sử dụng điện xã Thạnh Hội, xã Bạch Đằng, xã Phú Chánh, xã Vĩnh Tân, phường Tân Hiệp	4.800	4.800	
24	Nâng số hộ sử dụng điện phường Thái Hòa, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, xã Tân Vĩnh Hiệp	5.000	5.000	
25	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Phước Khánh	5.642	5.642	
26	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân Vĩnh Hiệp	5.000	5.350	
27	Cầu qua Cù lao Bạch Đằng	10.887	10.887	
28	Phòng khám đa khoa phường Khánh Bình	2.000	1.500	
29	Khu Tái định cư phường Tân Phước Khánh	4.471	4.471	
30	Xây dựng Trạm Y tế xã Phú Chánh	3.500	3.500	
31	Xây dựng Trạm Y tế xã Vĩnh Tân	7.000	7.000	
32	Sửa chữa, dặm vá tuyến đường ĐH 409 phường Tân Hiệp và xã Vĩnh Tân	11.500	10.500	
33	Nâng cấp BTN tuyến đường ĐH 418 (đoạn từ ĐT 747B đến ngã tư Nhà thờ)	4.200	4.200	
34	Khu di tích tưởng niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	11.000	12.150	
V	Huyện Bắc Tân Uyên	136.438	136.438	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>76.438</i>	<i>76.438</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>5.871</i>	<i>5.871</i>	
35	Trạm y tế xã Tân Bình	2.268	2.268	
36	XD Trạm y tế xã Tân Định	3.603	3.603	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>54.129</i>	<i>54.129</i>	
37	Mua sắm trang thiết bị y tế cho phòng khám đa khoa khu vực tuyến huyện	8.160	8.160	
38	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT từ đường ĐH.415 đi hồ Đá Bàn.	13.156	13.156	
39	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.414 (giai đoạn 3)	13.240	13.240	

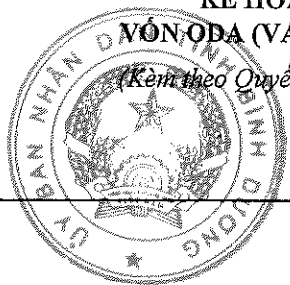
STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
40	Trường mầm non Thương Tân	2.000	2.000	
41	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.424	8.397	8.397	
42	Trường Tiểu học Tân Định	9.176	9.176	BSDM
VI	Thị xã Bến Cát	155.908	155.908	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>93.908</i>	<i>93.908</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>62.000</i>	<i>62.000</i>	
	<i>Công trình chuẩn bị đầu tư</i>	<i>45.455</i>	<i>26.627</i>	
43	Văn Phòng làm việc khu phố 7, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát	1.182	69	
44	Văn Phòng làm việc khu phố 4, phường Tân Định, thị xã Bến Cát	1.091	63	
45	Trụ sở làm việc Công An xã An Tây, thị xã Bến Cát	3.182	314	
46	Trụ sở làm việc Công An xã Phú An, thị xã Bến Cát	3.182	327	
47	Xây dựng nhà một cửa liên thông phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát	1.818	1.000	
48	Đường Gò Cào Cào (Từ QL 13 đến đường Mỹ Phước - Tân Vạn)	8.182	364	
49	Giải tỏa bồi thường công trình xây dựng công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua Chợ Bến Cát)	17.273	24.000	
50	Xây dựng kè dọc sông Thị Tính, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát (đoạn qua Chợ Bến Cát)	9.545	490	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>16.545</i>	<i>35.373</i>	
51	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè, HTCS tuyến đường từ ngã 3 vật tư đến ngã 4 Tân Dù	10.000	15.000	
52	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	6.545	20.373	BSDM
VII	Huyện Bàu Bàng	141.669	141.669	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>71.669</i>	<i>71.669</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>32.800</i>	<i>33.039</i>	
53	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	2.000		
54	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyên (đoạn từ ĐT 749a đến ngã tư bản trắng)	12.000	13.178	
55	Bê tông nhựa đường văn phòng áp 4 đến Trại Gà Đông Thịnh, xã Trừ Văn Thố	10.000	12.000	
56	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyên	7.400	7.400	
57	HTCS tuyến đường 16 A, xã Cây Trường II	1.400	461	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>4.600</i>	<i>2.000</i>	
58	Trung tâm văn hóa xã Cây Trường II (giai đoạn I)	4.600	2.000	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	<i>32.600</i>	<i>34.961</i>	
59	Bê tông nhựa đường bầy đồng, ấp Suối Tre	12.000	1.000	
60	HTCS tuyến đường từ QL 13 đi Hồ Từ Văn, xã Lai Hưng	1.100	546	
61	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã Cây Trường - Long Tân	14.000	26.251	
62	Trụ sở Đài Truyền thanh	1.000	2.136	
63	Nâng cấp đường liên ấp đường bê tông nhựa nóng 16 A xã Cây Trường II.	4.500	5.028	
VIII	Huyện Phú Giáo	157.665	157.665	

STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)	Ghi chú
a	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	85.129	85.129	
b	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	72.536	72.536	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	12.126	13.019	
64	Xây dựng trụ sở đội Công trình Công cộng	7.800	8.693	
65	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	4.326	4.326	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	60.410	59.517	
66	Đường nội ô thị trấn Phước Vĩnh giai đoạn 2 dài 5 km	7.593	6.787	
67	Đường ĐH503 đi ĐH501 và nhánh rẽ đi trung tâm cai nghiện	14.497	14.497	
68	Đường từ ĐH506 đi ĐH507 và các nhánh rẽ đi ĐT741	4.536	4.536	
69	Xây dựng mới Cầu Rạch Bé	8.650	8.563	
70	XD sân tập TDTT, hồ bơi, nhà điều hành, cây xanh sân vận động	4.967	4.967	
71	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phú Giáo	3.286	3.286	
72	Đường An Bình đi An Linh	2.345	2.345	BSDM
73	Bồi thường giải tỏa khu đất bàn giao cho Trung đoàn 271 thuộc Bộ tư lệnh Quân khu 7	14.536	14.536	BSDM
IX	Huyện Dầu Tiếng	138.581	138.581	
a	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	93.581	93.581	
b	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	45.000	45.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	200	200	
74	Nâng cấp, mở rộng đường trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường vành đai ĐT 744	200	200	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	29.800	27.021	
75	Rải đá, láng nhựa đường từ ngã ba Dốc Chùa đến ngã ba đường ĐH 707 xã Minh Thạnh	13.100	13.357	
76	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ ngã ba Dốc Lâm Vồ đến ngã tư Chú Thái, xã Thanh Tuyên, huyện Dầu Tiếng (giai đoạn 2)	5.000	7.164	
77	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Hạt kiểm lâm vào khu du lịch hồ Dầu Tiếng (đường đôi gắn với trồng cây xanh giữa giải phân cách rộng 4,5m)	200		
78	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa (đoạn qua xã Định An)	6.500	6.500	
79	Xây dựng nhà ở Đại đội dân quân cơ động Ban CHQS huyện	5.000		
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	15.000	17.779	
80	Nâng cấp, mở rộng đoạn đường từ đường ĐT.748 đến trước chợ Phú Bình và đoạn từ đường ĐT.748 đến trạm y tế Nông trường cao su An Lập, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	5.351	5.387	
81	Bia đền tưởng niệm thanh niên xung phong xã Thanh An	6.255	8.255	
82	Bia chiến thắng Suối Dứa thị trấn Dầu Tiếng	3.394	4.137	

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2016 (LẦN 2)
 VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 41 /2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (QĐ 19/2016/QĐ-UBND)		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016 (Lần 2)		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
	TỔNG SỐ	1.006.000	932.000	1.024.557	932.000	
I	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	882.000	832.000	902.000	832.000	-
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	882.000	832.000	902.000	832.000	-
II	Ngành Giáo dục - Đào tạo	124.000	100.000	122.557	100.000	
2	Nhà xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	124.000	100.000	122.557	100.000	